Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 14.01.2022 14:04:33 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 98 /KH-UBND | *Tây Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2022* |

# KẾ HOẠCH

**Tổ chức thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" (gọi tắt là Chiến lược), Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Nhằm tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" kèm theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhằm phát triển thương mại của tỉnh hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững. Đóng vai trò dẫn dắt, định hướng cho mục tiêu sản xuất trong tỉnh phát triển theo tín hiệu thị trường, phát huy năng lực, sức cạnh tranh và gắn với việc phát triển đa dạng chế độ sở hữu và phát triển các mô hình kinh tế mới.

### 2. Yêu cầu

Các hoạt động hưởng ứng, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện cần được tổ chức thực hiện một cách thiết thực, hiệu quả, sáng tạo, tiết kiệm và đảm bảo đúng theo tinh thần chỉ đạo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

## II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Phát triển thương mại trong nước trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng, đóng vai trò quan trọng trong định hướng, dẫn dắt cho sản xuất trong nước phát triển theo tín hiệu của thị trường, phát huy năng lực, sức mạnh nội sinh của thị trường trong nước.

2. Phát triển thương mại trong nước phải phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế theo hướng hiện đại, tạo môi trường cho phát triển thương mại trong nước một cách thuận lợi, ổn định, minh

bạch, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và bảo đảm quyền tự chủ, tự do kinh doanh của các chủ thể tham gia.

3. Phát triển thương mại trong nước phải nhanh và đi vào chiều sâu, đi đôi với hiệu quả đầu tư, gắn liền với quy mô, trình độ phát triển sản xuất và tiêu dùng trong nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn và tiến trình hội nhập với kinh tế quốc tế của đất nước. Chú trọng xây dựng uy tín về sản phẩm và phát triển thương hiệu Việt, không ngừng phát huy nội lực của thị trường trong nước, hội nhập tích cực, chủ động, hiệu quả với thị trường khu vực và thế giới.

4. Phát triển thương mại trong nước gắn với phát triển đa dạng về chế độ sở hữu, loại hình tổ chức và phương thức hoạt động của các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế. Quan tâm phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh tế cá thể và hợp tác xã, tổ hợp tác của nông dân liên kết tham gia thị trường; khuyến khích, thúc đẩy phát triển lực lượng nòng cốt là các tập đoàn, doanh nghiệp phân phối trong nước có quy mô lớn, có hệ thống phân phối hiện đại với vai trò dẫn dắt thị trường để định hướng sản xuất và tiêu dùng.

5. Phát triển thương mại trong nước trên cơ sở thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội, đặc biệt là kinh tế tư nhân. Khuyến khích khả năng tích tụ và tập trung nguồn lực của doanh nghiệp thuộc mọi loại hình kinh tế để đầu tư, mở rộng mạng lưới kinh doanh; phát triển hài hòa, đồng bộ và từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hiệu quả cho các hoạt động thương mại trong nước.

6. Xác định thị trường trong nước sẽ đóng vai trò là động lực chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng cường khai thác có hiệu quả thị trường trong nước; phát triển thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới cần được coi là nhiệm vụ trọng tâm.

7. Phát triển thương mại trong nước trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế và sự sáng tạo, tận dụng hiệu quả thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư; khuyến khích phát triển các hình thức thương mại dựa trên nền tảng công nghệ mới, nền tảng số hóa; coi thương mại điện tử là công cụ quan trọng để hiện đại hoá lĩnh vực thương mại trong nước trong thời kỳ mới.

8. Thúc đẩy phát triển thương mại trong nước đồng thời phải tăng cường quản lý nhà nước, bảo vệ hiệu quả thị trường trong nước, tạo động lực cho các doanh nghiệp trong nước tham gia ổn định giá cả thị trường; xây dựng nền thương mại văn minh hiện đại gắn với bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp, quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

## III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

### 1. Mục tiêu chung

Phát triển thương mại trong nước hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho sản xuất trong nước ngày càng đổi mới, phát triển.

Xây dựng thương hiệu hàng hóa Việt Nam, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong nước và của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc để tham gia hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực và thế giới.

**2. Mục tiêu cụ thể**

(a) Giai đoạn 2021 -2030:

- Giá trị tăng thêm thương mại trong tỉnh đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 9,0 - 9,5%/năm; đến năm 2030 đóng góp khoảng 15,0 - 15,5% vào GRDP của tỉnh.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu (chưa loại trừ yếu tố giá) đạt tốc độ tăng bình quân 10%/năm.

- Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa của các khu vực kinh tế trong nước chiếm khoảng 90%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa của cả tỉnh.

- Phát triển thương mại điện tử bám sát khung cơ chế chính sách để phát triển là Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025. Tổ chức thực hiện có hiệu quả thiết thực Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh về phát triển thương mại điện tử tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường và cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm cho các hoạt động thương mại vận hành phù hợp với quy luật thị trường, điều kiện phát triển kinh tế trong nước và yêu cầu của hội nhập; cơ bản hình thành khung chính sách về hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối xanh bền vững, đảm bảo triển khai có hiệu quả các mô hình phân phối xanh bền vững.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại phát triển đồng bộ, đa dạng, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn, phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và nhu cầu sinh hoạt của người dân.

(b) Giai đoạn 2031 - 2045:

- Giá trị tăng thêm thương mại trong tỉnh đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 8,5 - 9,0%/năm; đến năm 2045 đóng góp khoảng 15,5 - 15,7% vào GRDP của tỉnh.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (TMBLHH & DTDVTD) (chưa loại trừ yếu tố giá) đạt tốc độ tăng bình quân 12%/năm.

- Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa của các khu vực kinh tế trong nước chiếm khoảng 85%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 15% tổng mức bán lẻ hàng hóa của cả tỉnh.

- Môi trường kinh doanh trên thị trường trong nước hoàn toàn thông thoáng, nhà nước chỉ tham gia điều chỉnh thị trường khi có bất ổn gây đột biến thị trường, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại được hiện đại hóa trên phạm vi toàn tỉnh, được dán nhãn công trình thương mại xanh, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, phòng chống cháy nổ...; 100% các hệ thống hạ tầng thương mại khu vực thành thị vận hành dựa trên áp dụng công nghệ số hóa.

- Hạ tầng thương mại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới phát triển đầy đủ theo quy hoạch, các loại hình hiện đại như cửa hàng tiện lợi, siêu thị chuyên doanh, trung tâm thương mại chiếm số lượng lớn, dần đảm nhiệm vai trò chủ đạo trong phân phối bán lẻ hàng hóa trên thị trường.

## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút hoạt động kinh doanh thương mại, đa dạng, phong phú chủng loại mặt hàng, sản phẩm và các loại hình hiện đại như trung tâm thương mại, siêu thị chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi.

2. Phát triển đa dạng phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại trong nước.

3. Cơ cấu lĩnh vực thương mại theo hướng đổi mới, sáng tạo và số hoá, công nghệ hoá phương thức kinh doanh; tăng cường kết nối, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, các hệ sinh thái trong nước, toàn cầu và khu vực.

4. Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế số mà trong đó thương mại điện tử thành hình thức chủ đạo; khai thác có hiệu quả hơn xu hướng số hóa với sự phát triển của phương thức thanh toán điện tử và các công cụ thanh toán mới, không dùng tiền mặt.

5. Xây dựng, phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện của tỉnh trong từng giai đoạn, vừa đáp ứng được nhu cầu lưu thông hàng hoá, vừa hỗ trợ xuất khẩu.

6. Tạo cơ chế, thực hiện chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để các loại hình doanh nghiệp hoạt động thương mại phát triển đa dạng như các tập đoàn, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo phương thức hiện đại để tăng cường kết nối giữa vùng sản xuất và thị trường tiêu thụ.

7. Liên kết và hình thành các chuỗi phân phối sản phẩm sản xuất tại tỉnh có chất lượng cao, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường.

8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển kinh tế thương mại và hội nhập quốc tế.

9. Đổi mới toàn diện công tác xúc tiến thương mại, đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại trong nước, lựa chọn các

công cụ và biện pháp xúc tiến thương mại phù hợp nhằm bảo đảm đúng đối tượng, đạt được các mục tiêu và hiệu quả cao.

10. Đổi mới quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thương mại, tăng cường bảo đảm trật tự, bình ổn thị trường, kiểm soát chặt chẽ tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, thao túng thị trường, hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm lợi ích của người tiêu dùng.

## V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

### 1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và quản lý hoạt động thương mại theo cam kết quốc tế

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và quản lý hoạt động thương mại theo cam kết quốc gia và quốc tế. Trên cơ sở các quy định của pháp luật và căn cứ thực tiễn của tỉnh để tạo thêm cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển thương mại gắn với phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

### 2. Gia tăng cầu tiêu dùng cuối cùng trong nước, phát triển doanh nghiệp phân phối, gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa

- Triển khai các hoạt động kết nối cung cầu; hình thành các chuỗi liên kết dọc và liên kết ngang giữa nhà sản xuất, nhà phân phối, cung ứng.

- Đẩy mạnh các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi phân phối sản phẩm, cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Đổi mới phương thức, lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường vào các chương trình kích cầu tiêu dùng.

- Tăng cường phát huy các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa; hình thành các chuỗi liên kết dọc (liên kết thành một chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của một hoặc một nhóm sản phẩm, hàng hóa) và liên kết ngang (giữa những doanh nghiệp cùng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh về một hoặc một nhóm hàng hóa) giữa các nhà sản xuất, nhà phân phối và nhà cung ứng dịch vụ hỗ trợ;

### 3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại

Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn, đặc biệt quan tâm đến việc rà soát để đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư hạ tầng thương mại; hỗ trợ kết cấu hạ tầng thương mại tại các địa bàn khó khăn; quản lý, sử dụng và khai thác hạ tầng thương mại hiệu quả; triển khai tốt Chương trình phát triển mạng lưới chợ, chuyển đổi mô hình quản lý chợ và xã hội hoá đầu tư xây dựng, khai thác chợ, có lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát triển mạng lưới cơ sở thu mua nông sản và cơ sở cung ứng, phân phối, mô hình chợ thí điểm an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống kho tổng hợp, chuyên dụng, kho lạnh phục vụ bình ổn thị trường; triển khai công tác quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng bán buôn gắn vùng sản xuất; phát triển và quản lý các loại hình trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, máy bán hàng tự

động, điểm bán sản phẩm OCOP,...; xây dựng chiến lược phát triển dịch vụ logistics.

**4. Phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa**

Thực hiện hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia; ứng dụng mô hình quản lý các sàn giao dịch thương mại điện tử, các website bán hàng điện tử, hoạt động giao dịch thông qua diễn đàn, mạng xã hội; triển khai các giải pháp truy xuất nguồn gốc chuẩn hoá quy trình, nền tảng trực tuyến cho hoạt động phân phối, các chương trình, đề án thương mại điện tử hoá nông thôn, đào tạo kỹ năng kinh doanh thương mại điện tử.

**5. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về năng lực tổng hợp, phân tích thông tin thị trường, năng lực quản trị kinh doanh, an toàn thực phẩm, kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn,...

**6. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, cung cấp thông tin dự báo xu hướng thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời ứng phó với những đột biến bất lợi của thị trường**

Tăng cường hoạt động cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức thường xuyên, kịp thời cho doanh nghiệp, người sản xuất, người tiêu dùng; thu thập thông tin về cơ sở sản xuất cung cấp cho cơ sở phân phối và đến người tiêu dùng; tổ chức các kênh thông tin và thực hiện quảng bá sản phẩm; tuyên truyền, vận động, triển khai các hoạt động phân phối hàng hoá thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững.

**7. Thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển thương mại trong nước**

Khuyến khích doanh nghiệp kinh doanh thương mại đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ cao, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý điện tử trên máy tính, điện thoại di động, sử dụng ứng dụng, tiện ích mới để truy xuất nguồn hàng, QR code, Data, RFID tại các kênh phân phối như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; hỗ trợ phát triển mô hình nghiên cứu khoa học liên kết công tư, từng bước xã hội hoá, thị trường hoá sản phẩm khoa học, công nghệ thương mại; thúc đẩy phân phối xanh qua công nghệ hiện đại; ứng dụng công nghệ cao vào kiểm tra, xử lý vi phạm buôn lậu, gian lận thương mại.

**8. Đổi mới, tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hoạt động thương mại thị trường trong nước**

-Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao năng lực, thực thi hiệu quả hệ thống pháp luật.

- Tập trung triển khai các giải pháp quản lý theo phương thức số hoá.

- Tập trung công tác quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại. Quản lý, khai thác hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường.

**9. Nâng cao ý thức, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường trong các hoạt động thương mại**

Đặc biệt ưu tiên công tác bảo vệ môi trường khi thực hiện các hoạt động thương mại, không gây ô nhiễm môi trường; tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo; quản lý tốt công tác thu hồi, thu gom phục vụ tái chế, tái sử dụng các loại chất thải trong phân phối hàng hoá.

## VI. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

3. Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA, các nguồn tài trợ, viện trợ khác được huy động theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

5. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước; các nguồn huy động từ nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

*(Phụ lục tổng hợp kèm theo)*

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Công Thương

- Thông tin phổ biến Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu tham mưu các chính sách thu hút đầu tư vào phát triển thương mại trong nước và trong tỉnh, cơ chế chính sách nhằm tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nội địa;

- Chủ động phối hợp với Bộ, ngành rà soát, sửa đổi Luật Thương mại 2005 theo hướng tạo thêm nhiều thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, bổ sung quy định về hạ tầng thương mại để làm căn cứ pháp lý cho việc triển khai các chính sách có liên quan;

- Rà soát, hoàn thiện quy định về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông thuộc ngành Công Thương quản lý theo Thông tư số 46/2015/TT-

BCT ngày 11/12/2015 của Bộ Công Thương Quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

- Chủ động phối hợp với Bộ ngành nghiên cứu hoàn thiện các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống phân phối bán lẻ bao gồm chợ, trung tâm thương mại, siêu thị đồng bộ;

- Phối hợp với các Bộ ngành tổ chức triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển hệ thống phân phối xanh, bền vững, chính sách thúc đẩy sự tham gia của các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường trong các hệ thống phân phối;

- Triển khai hiệu quả Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng tới 2030 theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 và Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021 - 2025" theo Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo theo Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021;

- Đổi mới phương thức, lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước vào các chương trình kích cầu tiêu dùng, các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và quảng bá các đặc sản vùng miền, sản phẩm tiêu biểu của tỉnh;

- Đẩy mạnh liên kết bền vững giữa sản xuất - phân phối - tiêu dùng cũng như tăng sự hiện diện của sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường xanh tại cơ sở phân phối hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị...) và cơ sở phân phối truyền thống (chợ, cửa hàng tạp hóa...);

- Rà soát tổng thể và đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, đồng bộ, phù hợp với các luật chuyên ngành và phù hợp với cam kết quốc tế;

- Nghiên cứu hỗ trợ phát triển và nhân rộng các cơ sở phân phối xanh, bền vững trên cơ sở tăng cường áp dụng hệ thống quản lý năng lượng hiệu quả trong lưu kho, phân phối;

- Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phát triển mạng lưới chợ toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; tập trung cải tạo, nâng cấp các chợ đô thị tại trung tâm hiện có và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm, văn minh thương mại; lồng ghép việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để nâng cấp, cải tạo hạ tầng chợ nông thôn;

- Xây dựng Kế hoạch hiện đại hóa hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và chợ theo hướng văn minh gắn với việc phát triển thương mại điện tử và nâng cao tỷ lệ thanh toán không sử dụng tiền mặt trên địa bàn tỉnh;

- Rà soát, bố trí phát triển mạng lưới cơ sở thu mua nông sản, đặc sản địa phương và mạng lưới các cơ sở cung ứng, phân phối hàng hóa tiêu dùng quy mô vừa và nhỏ theo mô hình hiện đại tại các trung tâm huyện; tiếp tục nhân rộng mô

hình chợ thí điểm an toàn thực phẩm (trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số) trên cơ sở Tiêu chuẩn Việt Nam về Chợ kinh doanh thực phẩm;

- Rà soát, đẩy mạnh công tác triển khai các quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng bán buôn theo hướng gắn kết các vùng sản xuất, cung ứng trong nước, nhất là các vùng sản xuất, cung ứng lớn, khu công nghiệp tập trung với các thị trường tiêu thụ trọng điểm; đẩy mạnh hợp tác, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống chợ đầu mối, thu hút đầu tư chợ đầu mối cấp vùng;

- Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 645/QĐ-TTg 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

- Nghiên cứu, cập nhật kiến thức các quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử (TMĐT) xuyên biên giới; quy định về quản lý và giải quyết tranh chấp, xử lý các hành vi vi phạm trong TMĐT;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình, đề án TMĐT hóa nông thôn, đào tạo kỹ năng kinh doanh TMĐT cho người dân nông thôn; phối hợp với các nền tảng TMĐT để tạo các gian hàng và hỗ trợ người dân nông thôn đưa các sản phẩm lên sàn TMĐT, đặc biệt là tiếp cận và áp dụng các phần mềm, ứng dụng trong phương thức kinh doanh thương mại điện tử trên máy tính, điện thoại di động...;

- Chủ động phối hợp với Bộ ngành tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tổng hợp, phân tích thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp;

- Triển khai các đề án hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản trị kinh doanh, kiến thức an toàn thực phẩm, văn minh thương mại cho các đối tượng là những người làm công tác quản lý thương mại tại các Phòng Kinh tế và Phòng Kinh tế và hạ tầng, người quản lý chợ, hợp tác xã thương mại, các hộ kinh doanh, lao động của ngành thương mại;

- Tập trung nâng cao chất lượng thông tin, năng lực nghiên cứu, dự báo xu hướng thị trường các nhóm hàng, mặt hàng (dự báo cung cầu, giá cả, xu hướng thị trường...) phổ biến kiến thức thường xuyên, kịp thời cho doanh nghiệp, người sản xuất cũng như người tiêu dùng;

- Nâng cao năng lực, thực thi hiệu quả hệ thống pháp luật, các đề án, chiến lược của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến thương mại và thị trường trong nước; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phát triển hệ thống phân phối xanh và bền vững; nâng cao năng lực triển khai hiệu quả công cụ Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) đối với các doanh nghiệp phân phối có vốn đầu tư nước ngoài (FDI);

- Tập trung cải cách phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực phát triển; đẩy mạnh xã hội hóa về cung ứng dịch vụ công trong công tác quản lý nhà nước về thương mại trong bối cảnh mới;

- Tổ chức triển khai thực chất, hiệu quả các quy hoạch phát triển thương mại, trong đó có quy hoạch vùng để phân bổ nguồn lực, thu hút đầu tư, tạo tăng trưởng, liên kết vùng... theo đúng quy luật của thị trường; giảm áp lực về đầu tư từ ngân sách nhà nước;

- Chủ động phối hợp với Bộ Công Thương triển khai các chính sách xã hội hóa công tác bình ổn thị trường; Khai thác hệ thống dữ liệu một số mặt hàng thiết yếu để phục vụ công tác điều hành thị trường trong nước nhằm thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu; Triển khai tích cực Chương trình bình ổn thị trường;

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước các nội dung quy định tại Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025; Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030...

**2. Sở Tài chính**

- Phối hợp Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành;

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá trên địa bàn tỉnh nhằm ngăn chặn hành vi thao túng giá cả thị trường, tăng giá bất hợp lý, đặc biệt vào các dịp lễ, tết, thời gian tiêu dùng cao điểm.

**3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nhằm thu hút và phát triển mạnh mẽ ngành du lịch, phát triển thương mại trong nước, tăng sức mua từ du khách.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi đề án "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới". Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện chính sách thu hút đầu tư cho phát triển Du lịch nông nghiệp, phát triển du lịch nông thôn, đem lại việc làm, nâng cao thu

nhập cho người dân, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường, gia tăng kích cầu thương mại trong nước;

- Tập trung nghiên cứu khai thác các cơ chế, chính sách, văn bản quy định của Trung ương; nâng cao, phát triển các hoạt động văn hóa của tỉnh trở thành các sản phẩm du lịch đặc sắc nhằm giữ gìn bản sắc dân tộc, góp phần giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương theo hướng bền vững.

- Tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó tập trung phát triển ngành tỉnh có thế mạnh như du lịch, góp phần mang lại những cơ hội để phát triển tiềm năng du lịch và tạo công ăn việc làm bền vững, đóng góp đáng kể cho tổng sản phẩm nội địa (GDP). Tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở của tỉnh góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân.

**4. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, tham mưu đề xuất UBND tỉnh về các chính sách, quy định về các nền tảng số trên địa bàn tỉnh phù hợp và đúng với quy định của Trung ương; Thực hiện hiệu quả Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Chuyển đổi theo hướng số hóa công tác quản lý thông qua việc thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn;

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương tuyên truyền, phổ biến và cung cấp các thông tin cần thiết để hỗ trợ cho các doanh nghiệp thương mại thuộc phạm vi quản lý và giúp đẩy mạnh việc lưu thông, phân phối hàng hóa Việt Nam thông qua mạng bưu chính;

- Nghiên cứu phối hợp Bộ ngành Trung ương chủ động triển khai nền tảng mã địa chỉ bưu chính gắn với bản đồ số vpostcode, các ứng dụng giao thông mới hỗ trợ vận chuyển, giao nhận hàng hóa trong TMĐT và logistics.

**5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích các chủ thể trực tiếp tham gia kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị hàng nông, lâm, thủy sản (hạn chế lệ thuộc trung gian);

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh liên kết chuỗi, tăng cường hoạt động kết nối nông dân, nông hộ, hộ kinh doanh và các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản với các doanh nghiệp phân phối trên thị trường nội địa;

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch hệ thống kho tổng hợp và chuyên dụng, kho lạnh (đặc biệt là kho dự trữ, bảo quản hàng nông sản và lương thực thực phẩm thiết yếu) tại các vùng sản xuất nông lâm, thủy sản tập trung và các huyện giáp ranh nhằm ngăn chặn các tiềm ẩn rủi ro trong chuỗi cung ứng nông sản và lương thực thực phẩm. Bên cạnh đó góp phần vào công tác phục vụ bình ổn thị trường và cân đối cung cầu trong các thời điểm bất ổn về giá;

- Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tổ chức phát triển các sản phẩm du lịch nông thôn, đặc biệt là liên quan đến chương trình về OCOP, thủ công mỹ nghệ; về phát triển thị trường khách du lịch nông thôn...

**6. Sở Khoa học Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các giải pháp về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động lưu thông phân phối trên thị trường; triển khai thực hiện chính sách khuyến khích đổi mới công nghệ và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiến tiến, công nghệ cao trong lĩnh vực lưu thông phân phối hàng hóa và dịch vụ;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu suất và chất lượng dịch vụ lưu thông, phân phối trên thị trường nội địa.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hàng hoá đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại của các sản phẩm.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và thực hiện truy xuất nguồn gốc chuẩn hóa quy trình đối với hàng hóa bao gồm thị trường trong nước và xuất khẩu đồng bộ từ Trung ương đến địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, Sở Thông tin và truyền thông ứng dụng công nghệ QR Code, Data Matrix, RFID đối với sản phẩm, hàng hóa tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm trong nước; nghiên cứu, phát triển và đưa vào triển khai mô hình chuỗi cung ứng thông minh, vận dụng công nghệ dữ liệu lớn để dự báo thị trường và gắn kết hiệu quả các quá trình sản xuất với nhu cầu thị trường;

- Phối hợp Cục Quản lý thị trường tỉnh tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng theo quy định.

**7. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực cho đầu tư, phát triển thương mại của tỉnh;

- Phối hợp với Sở Công Thương lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chiến lược vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng vốn đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng mục đích và có hiệu quả.

**8. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất phù hợp với nhu cầu phát triển các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác bảo vệ môi trường tại các dự án đầu tư phát triển thương mại trong nước;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố giám sát thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường về bảo vệ môi trường trong các hoạt động đầu tư hạ tầng thương mại; phòng ngừa, ngăn chặn kết hợp với xử lý các hoạt động thương mại gây ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các dự án đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, phải triệt để tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn môi trường về xử lý chất thải lỏng, chất thải khí và chất thải rắn trong quá trình xây dựng và khai thác, vận hành dự án. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra về môi trường. Khuyến khích chuyển đổi, thay thế công nghệ, thiết bị lạc hậu bằng công nghệ, thiết bị tiên tiến; Xử lý vi phạm khi phát hiện hành vi vi phạm về môi trường;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý tốt công tác thu hồi, thu gom phục vụ tái chế, tái sử dụng các loại chất thải trong hoạt động phân phối hàng hóa gắn với việc tạo ra năng lượng từ việc đốt rác thải, đóng góp vai trò quan trọng vào việc phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, và phát triển năng lượng tái tạo;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường năng lực quản lý môi trường cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, các tổ chức, đoàn thể; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các chủ thể tham gia.

**9. Sở Giao thông Vận tải**

- Chủ động phối hợp các bộ, ngành và địa phương có liên quan để tham mưu UBND tỉnh phát triển hạ tầng giao thông kết nối Tây Ninh với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh giáp ranh; Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến địa phương theo quy hoạch ngành quốc gia được duyệt; tham gia lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quy hoạch ga đường sắt; Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng cạn....; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà, đường Tuần tra biên giới và dự án nâng cấp và công bố luồng đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc - Bến Củi đạt tiêu chuẩn cấp luồng quy hoạch (cấp II);

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh về quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giao thông vận tải phục vụ phát triển thương mại, phục vụ phát triển dịch vụ logistics theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức kêu gọi đầu tư các dự án: cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (giai đoạn 1); cảng cạn; cảng thuỷ nội địa ven sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn; các bến bãi hàng hoá;

- Phối hợp triển khai các hoạt động có liên quan về phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh.

**10. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Nghiên cứu, cải tiến giáo trình, chương trình giảng dạy các môn học trong hệ thống cao đẳng và dạy nghề, lồng ghép các nội dung về phân phối, sản xuất và tiêu dùng bền vững trong các chương trình giảng dạy, đào tạo thuộc các cơ sở đào tạo, dạy nghề; Nghiên cứu đưa vào áp dụng những mô hình quản lý đào tạo tiên tiến tại các cơ sở giáo dục, đào tạo;

- Tăng cường liên kết, hỗ trợ các doanh nghiệp về đào tạo để phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bao gồm: đào tạo chuyên ngành quản trị doanh nghiệp, quản trị chuỗi cung ứng, quản lý trung tâm logistics. Đào tạo nhân lực theo yêu cầu, đặt hàng của doanh nghiệp hoặc liên kết doanh nghiệp phát triển giáo dục nghề nghiệp theo mô hình liên kết nhà trường – doanh nghiệp;

- Khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ, cảng cạn, cảng logistics... nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh; chú trọng đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn cho lao động trong ngành;

- Đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực thương mại có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ quản lý hoạt động kinh doanh mới;

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu lĩnh vực, ngành nghề; Chủ động tăng cường công tác thống kê; thiết lập hệ thống dự báo nhu cầu

nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp với dự báo về thị trường lao động, việc làm; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp, việc làm, thị trường lao động;

- Nghiên cứu, xây dựng các chương trình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, tăng cường trao đổi công nghệ giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo nhằm cập nhật thông tin, kiến thức mới cho các chương trình đào tạo nghề đối với lĩnh vực thương mại trong nước;

- Nghiên cứu, đề xuất các hình thức khuyến khích doanh nghiệp tự đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ công nghệ áp dụng vào lĩnh vực thương mại trong nước;

- Chủ động cập nhật kịp thời nhằm chủ động thay đổi khi hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề theo chuẩn chung quốc tế đối với lĩnh vực thương mại trong nước được ban hành.

**11. Sở Nội vụ**

- Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh thu hút và phát triển nguồn nhân lực hoạt động trong khu vực công trong lĩnh vực logistics gắn với Đề án Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025. Kết hợp xây dựng mô hình nghiên cứu để xác định các nhóm kỹ năng cần thiết trang bị cho nhân lực logistics;

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút phát triển nhân lực thương mại, chuyên ngành quản lý thị trường đáp ứng yêu cầu bối cảnh hội nhập, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Nghiên cứu nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực cảng và dịch vụ logistics: Công nghệ và chuyển đổi số trong logistics; Quản trị rủi ro nguồn nhân lực logistics;

- Chủ động nghiên cứu chiến lược nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực thương mại, công nghiệp, quản lý thị trường, chuỗi cung ứng nhằm phục vụ cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

**12. Cục Quản lý thị trường tỉnh**

Đẩy mạnh công tác quản lý trật tự thị trường trong nước. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm ngăn chặn hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, đặc biệt là hàng hóa giả chứng nhận nhãn xanh ngay từ tuyến biên giới đường bộ và đường sông; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

**13. Cục Thuế tỉnh**

Nghiên cứu đề xuất sửa đổi bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý thuế, phòng ngừa và ngăn chặn hiệu quả hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI.

**14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh**

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

**15. Báo Tây Ninh; Đài Phát thanh truyền hình Tây Ninh**

- Nghiên cứu, xây dựng các nội dung thông tin, tuyên truyền, quảng bá đăng trên các ấn phẩm, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, bản tin... về Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thương mại trong nước và đánh giá tác động của Luật, cơ chế chính sách đã ban hành; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội về phân phối xanh, tiêu dùng xanh và phát triển bền vững;

- Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường trên toàn quốc, cung cấp thông tin cho các cơ sở phân phối hiện đại lớn cũng như thông tin đến người tiêu dùng, để người tiêu dùng thuận tiện mua sắm; tổ chức các kênh thông tin và thực hiện quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường, cơ sở phân phối bền vững tới người tiêu dùng thông qua xây dựng hoạt động truyền thông riêng biệt trên các kênh truyền thông;

- Tuyên truyền, vận động, triển khai các hoạt động phân phối hàng hóa thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững, nhằm mục tiêu dần hình thành ý thức bảo vệ môi trường, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải, các-bon thấp, hài hòa, thân thiện môi trường.

**16. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Kế hoạch này phù hợp với các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện nhiệm vụ được giao; phân bổ và sử dụng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng mục đích và có hiệu quả; theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này theo quy định;

- Bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của từng giai đoạn;

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, bảo đảm trật tự thị trường trên địa bàn;

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương nghiên cứu xây dựng tiêu chí điểm bán sản phẩm OCOP và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại cho sản phẩm OCOP;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh xây dựng kịch bản sẵn các loại hình hàng hóa, lương thực thực phẩm, nhu yếu phẩm tăng giá gây ảnh

hưởng đến đời sống của bà con nông dân, công nhân. Triển khai xây dựng các điểm bán hàng đối chứng nhằm cung cấp hàng hóa đến tay nhân dân xóa bỏ tình trạng "giá trên tivi";

- Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo, các chương trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng văn minh thương mại cho các hộ kinh doanh ở khu vực nông thôn;

- Triển khai quy hoạch, đồng thời tổ chức quản lý và khai thác hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện có; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và môi trường;

**17. Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh**

- Khuyến khích các hội viên tiếp cận, trao đổi, thỏa thuận, hợp tác lẫn nhau, cùng nhau phát triển hài hòa lợi ích, tiến tới một quy trình ổn định cung cấp hàng hóa từ vùng sản xuất đến các cơ sở bán buôn và bán lẻ;

- Khuyến khích và thu hút thương nhân, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, đầu tư phát triển hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ;

- Khuyến khích phát triển hệ thống phân phối xanh, bền vững, chính sách thúc đẩy sự tham gia của các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường trong các hệ thống phân phối;

- Khuyến khích tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nội địa;

- Khuyến khích đổi mới phương thức, lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước. Tích cực tham gia các chương trình kích cầu tiêu dùng, các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa. Chủ động xây dựng thương hiệu và quảng bá các đặc sản vùng miền, sản phẩm tiêu biểu của tỉnh.

- Khuyến khích đẩy mạnh liên kết bền vững giữa sản xuất - phân phối - tiêu dùng cũng như tăng sự hiện diện của sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường xanh tại cơ sở phân phối hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị...) và cơ sở phân phối truyền thống (chợ, cửa hàng tạp hóa...)

- Nghiên cứu phát triển và nhân rộng các cơ sở phân phối xanh, bền vững trên cơ sở tăng cường áp dụng hệ thống quản lý năng lượng hiệu quả trong lưu kho, phân phối;

- Khuyến khích tích cực tham gia Chương trình bình ổn thị trường, tăng cường bán hàng lưu động về vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hoặc nơi khu công nhân lao động ở nhằm đưa hàng hóa bình ổn giá đến tay nhân dân.

**18. Đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh truyền hình Tây Ninh, Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh**

- Ngoài những nhiệm vụ được giao cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị cụ thể, căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, chủ động nghiên cứu, nâng cao

hiệu quả và thực hiện các nhiệm vụ gồm: Thúc đẩy phát triển thương mại gắn với quy mô, đặc điểm sản xuất, kinh doanh của tỉnh; Từng bước phát triển thương mại bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập của người dân, đảm bảo an ninh quốc phòng trong phạm vi quản lý của mình;

- Định kỳ gửi báo cáo về Sở Công Thương tình hình kết quả triển khai những nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch trước ngày 10 tháng 11 hàng năm để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 10 tháng 11 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 09 tháng 11 của kỳ báo cáo.

- Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này; xây dựng các chính sách, chương trình, đề án ưu tiên tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và 05 năm, tổng hợp, định kỳ tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công Thương;

Đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm trúc Kế hoạch này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Công Thương;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Hội doanh nhân trẻ tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP; Phòng KT;
- Lưu: VT. PHAT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

**Dương Văn Thắng**

# PHỤ LỤC I

**Chương trình, đề án thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh**

*(ban hành kèm theo Kế hoạch số 98 /KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| **1** | **Chương trình phát triển chợ đến năm 2030** | | | | | | |
| | Danh mục chợ đầu tư, xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 | UBND huyện, thị xã, thành phố | Sở Công Thương và các sở, ban, ngành tỉnh | UBND tỉnh | Kế hoạch này | 2021-2025 | |
| | Danh mục trung tâm thương mại, siêu thị, đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 | UBND huyện, thị xã, thành phố | Sở Công Thương và các sở, ban, ngành tỉnh | UBND tỉnh | Kế hoạch này | 2021-2025 | |
| | Danh mục dự án Chợ, Siêu thị, Trung tâm thương mại, ưu tiên kêu gọi đầu tư | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch này | 2021-2025 | |
| **2** | **Đề án xây dựng hệ thống dữ liệu một số mặt hàng thiết yếu để phục vụ công tác điều hành thị trường trong nước** | | | | | | |
| | Tổ chức triển khai thực hiện và khai thác "Đề án xây dựng hệ thống dữ liệu một số mặt hàng thiết yếu để phục vụ công tác điều hành thị trường trong nước" | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Sau khi Bộ Công Thương ban hành Đề án | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| **3** | **Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phân phối tại Việt Nam ứng dụng công nghệ mới nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực phân phối hàng hóa thông qua các kênh phân phối hiện đại trong và ngoài nước** | | | | | | |
| | Tổ chức triển khai thực hiện và khai thác "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phân phối tại Việt Nam ứng dụng công nghệ mới nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực phân phối hàng hóa thông qua các kênh phân phối hiện đại trong và ngoài nước" | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Sau khi Bộ Công Thương ban hành Chương trình | | |
| **4** | **Đề án tăng cường hiệu quả áp dụng và thực thi pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại** | | | | | | |
| | Tổ chức triển khai thực hiện và khai thác "Đề án tăng cường hiệu quả áp dụng và thực thi pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại" | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Sau khi Bộ Công Thương ban hành Đề án | |
| **5** | **Chương trình nâng cao năng lực về thực thi các cam kết, quy định phát triển bền vững, quy định về thương mại và đầu tư đối với sản phẩm dịch vụ, công nghệ sử dụng tiết kiệm năng lượng, các bon thấp trong các Hiệp định thương mại thế hệ mới EVFTA và CPTPP** | | | | | | |
| | Tổ chức triển khai thực hiện "Chương trình nâng cao năng lực về thực thi các cam kết, quy định phát triển bền vững, quy định về thương mại và đầu tư đối với sản phẩm dịch vụ, công nghệ sử dụng tiết kiệm năng lượng, các bon thấp trong các Hiệp định thương mại thế hệ mới EVFTA và CPTPP" | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Sau khi Bộ Công Thương ban hành Chương trình | |
| **6** | **Chương trình hỗ trợ áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững trong lĩnh vực thương mại và tiêu dùng** | | | | | | |
| | Tổ chức triển khai thực hiện "Chương trình hỗ trợ áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững trong lĩnh vực thương mại và tiêu dùng" | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Sau khi Bộ Công Thương ban hành Chương trình | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| **7** | **Đề án thông tin tuyên truyền thực hiện chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045** | | | | | | |
| | Tổ chức triển khai thực hiện "Đề án thông tin tuyên truyền thực hiện chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" | Sở Thông tin và truyền thông | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Sau khi Bộ Công Thương ban hành Đề án | |
| **8** | **Đổi mới, tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hoạt động thương mại thị trường trong nước** | | | | | | |
| | Đề án tổ chức lại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2021 | 2022 |
| **9** | **Đầu tư phát triển logistic** | | | | | | |
| | Đề án phát triển các loại hình vận tải dịch vụ cảng đường sông - logistics tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Giao thông Vận tải | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2021-2025 | |
| | Trung tâm Logistics cửa khẩu Mộc Bài (TT01) và Cảng cạn Mộc Bài | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |
| | Trung tâm Logistics khu vực phía Bắc (TT02) | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | Trung tâm Logistics, cảng cạn và cảng tổng hợp Tây Ninh (TT03) | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |
| | Trung tâm Logistics, cảng cạn và cảng thuỷ nội địa Thanh Phước (TT04) | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |
| | Cảng cạn Tân Nam | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2026-2030 | |
| | Cảng cạn Phước Tân | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2026-2030 | |
| | Cảng cạn Chàng Riệc | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2026-2030 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | Cảng cạn Kà Tum | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2026-2030 | |
| **10** | **Phát triển hạ tầng giao thông kết nối Tây Ninh với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tỉnh giáp ranh** | | | | | | |
| | Dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài | Sở Giao thông vận tải Tp. HCM | UBND tỉnh (có thể ủy quyền lại Sở Giao thông Vận tải), các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thủ tướng Chính phủ | | 2021-2030 | |
| | Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà, | Sở Giao thông Vận tải | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Dự án đường Tuần tra biên giới và dự án nâng cấp | Sở Giao thông Vận tải | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Công bố luồng đường thuỷ nội địa Sài Gòn - Bến Súc - Bến Củi đạt tiêu chuẩn cấp luồng quy hoạch (cấp II) | Sở Giao thông Vận tải | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| 11 | **Phát triển cảng thuỷ nội địa và cảng cạn hàng hóa** | | | | | | |
| | **SÔNG VÀM CỎ** | | | | | | |
| | Cảng Buorbon An Hòa | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Cảng Thanh Phước | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Cảng Đại An - Sài Gòn | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Gò Dầu | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | Sau năm 2030 | |
| | Cảng Hiệp Thạnh | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | | | huyện, thị xã, thành phố | | | | |
| | Cảng Thạnh Đức | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Bến Đình | | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Xăng dầu Long Thành Nam | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Cảng Xi măng Fico | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Cảng Bến Kéo | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | Cảng Gò Chai | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | Sau năm 2030 | |
| | Cảng Thanh Điền | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Châu Thành (xã Trí Bình) | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Bến Sỏi | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Hảo Đước | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | Sau năm 2030 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | Cảng Cây Ổi | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021- 2030 | |
| | Cảng Vàm Trảng Trâu | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | Sau năm 2030 | |
| | Các cảng, bến thuỷ nội địa khác | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |
| | **SÔNG SÀI GÒN** | | | | | | |
| | Cảng Hưng Thuận - Trảng Bàng | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |
| | Cảng Phước Đông | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2025 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | Cảng Dương Minh Châu | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |
| | Các cảng, bến thuỷ nội địa khác | Sở Giao thông Vận tải | Sở Công Thương, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Công trình sản phẩm | 2021-2030 | |
| **12** | **Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu** | | | | | | |
| | Xây dựng hạ tầng giai đoạn 3 KCN Phước Đông 600 ha | BQLKKT tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2022-2025 | |
| | Tập trung triển khai nhanh đưa KCN Hiệp Thạnh (diện tích 573,81 ha) vào đi vào hoạt động | BQLKKT tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2022-2025 | |
| | Điều chỉnh quy hoạch chung phát triển Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài theo hướng tổng hợp nhiều chức năng: Công nghiệp - Đô thị - Thương mại - Dịch vụ mang tầm quốc gia và quốc tế | BQLKKT tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2022-2025 | |

| | Tên chương trình/đề án | Cơ quan thực hiện | Cơ quan phối hợp | Cấp phê duyệt | Kết quả của chương trình/đề án | Thời gian | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Xây dựng | Hoàn thành |
| | Điều chỉnh quy hoạch KKTCK Xa Mát phù hợp. | BQLKKT tỉnh | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2022-2025 | |
| **13** | **Triển khai các giải pháp về khoa học công nghệ** | | | | | | |
| | Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 | |
| | Kế hoạch Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 | |
| | Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | 2022-2025 | |
| | Nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn (TBT) | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố | UBND tỉnh | Đề án, Kế hoạch, Chương trình, Công văn chỉ đạo | Hàng năm | |

# PHỤ LỤC II

## Danh mục chợ đầu tư, xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên chợ/Địa điểm | Hạng chợ | Quy mô | | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | | | | | | Vị trí đầu tư, xây dựng chợ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Diện tích ($m^2$) | Số lượng điểm kinh doanh | Tổng số | Ngân sách TW | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, TX, TP | Kêu gọi đầu tư | | | |
| | | | | | | | | | Doanh nghiệp | Tiểu thương | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=7+8+9+10+11* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| ***Năm 2021*** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chợ sáng- H. Dương Minh Châu | 3 | 1,052.6 | 120 | 1.225 | | | 1.225 | | | Ấp Thuận An, xã Truông Mít | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 2 | Chợ Tân Thành-H. Tân Châu | 3 | | | 7.247 | | | 3 | | 4.247 | Xã Tân Thành | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 3 | Chợ Thạnh Tân-Thành phố Tây Ninh | 3 | 2,958 | | 13.947 | | | 13.947 | | | Xã Thạnh Tân | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 4 | Chợ Mỏ Công-Huyện Tân Biên | 3 | 9,500 | 167 | 0.3 | | | | 0.3 | | Xã Mỏ Công | Nâng cấp nền chợ, hệ thống cấp thoát nước |
| | **Cộng** | | | | **22.719** | | | **18.172** | **0.3** | **4.247** | | |
| ***Năm 2022*** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chợ Lộc Ninh-H. Dương Minh Châu | 3 | 10,704 | 120 | 1.3 | | | | 1.3 | | Ấp Lộc Hiệp, xã Lộc Ninh | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 2 | Chợ Thái Bình-H. Châu Thành | 3 | 20.378 | 150 | 50 | | | | 50 | | Ấp Bình Hòa, xã Thái Bình | Di dời, xây dựng mới, cách chợ cũ 500m, đất công |

| STT | Tên chợ/Địa điểm | Hạng chợ | Quy mô | | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | | | | | | Vị trí đầu tư, xây dựng chợ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Diện tích ($m^2$) | Số lượng điểm kinh doanh | Tổng số | Ngân sách TW | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, TX, TP | Kêu gọi đầu tư | | | |
| | | | | | | | | | Doanh nghiệp | Tiểu thương | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=7+8+9+10+11* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 3 | Chợ Thanh Điền-H. Châu Thành | 3 | 11,300 | 150 | 50 | | | | 50 | | Xã Thanh ĐiềnXây dựng mới trên đất Quy hoạch Khu dân cư TMDV Thanh Điền. | Di dời, xây dựng mới, cách chợ cũ 800m, đất công |
| 4 | Chợ Đồng Khởi-xã Đồng Khởi | 3 | 14,300 | 150 | 14 | | | | 14 | | Xã Đồng Khởi | Đầu tư xây dựng mới, đất công |
| 5 | Chợ Long Bình-Thị xã Hòa Thành | 3 | 1,062 | 50 | 0.225 | | | 0.225 | | | Xã Long Thành Nam | Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước |
| 6 | Chợ Long Yên-Thị xã Hòa Thành | 3 | 1,971 | 120 | 0.225 | | | 0.225 | | | Xã Long Thành Nam | Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước |
| 7 | Chợ HTX Xuân Hoa-huyện Châu Thành | 3 | 7,000 | 104 | 2 | | | | 2 | | Khu phố 4, thị trấn Châu Thành | Đầu tư xây dựng mới trên đất của tư nhân |
| 8 | Chợ Suối Ngô-H. Tân Châu | 3 | 30,656 | | 2.889 | | | 2.889 | | | Ấp 2-Xã Suối Ngô | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 9 | Chợ Phước Chỉ-Huyện Trảng Bàng | 3 | 20,000 | 250 | 10 | | | | 10 | | ấp Phước Hưng-xã Phước Chỉ | Đầu tư xây dựng mới, đất công |
| 10 | Chợ Tân Lập-Huyện Tân Biên | 3 | 2,818 | 41 | 0.35 | | | | 0.35 | | Xã Tân Lập | Xây dựng phương án bố trí các hộ gần chợ vào kinh doanh tại chợ; xây dựng Văn phòng làm việc BQL chợ, nguồn nước PCCC |

| STT | Tên chợ/Địa điểm | Hạng chợ | Quy mô | | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | | | | | | Vị trí đầu tư, xây dựng chợ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Diện tích ($m^2$) | Số lượng điểm kinh doanh | Tổng số | Ngân sách TW | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, TX, TP | Kêu gọi đầu tư | | | |
| | | | | | | | | | Doanh nghiệp | Tiểu thương | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=7+8+9+10+11* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 11 | Chợ Hiệp Thạnh-Huyện Gò Dầu | 3 | 6,929 | 60 | 0.25 | | | 0.25 | | | Xã Hiệp Thạnh | Nâng cấp nhà lồng chợ, hệ thống cấp thoát nước |
| | **Cộng** | | | | **131.239** | | | **3.589** | **127.65** | | | |
| ***Năm 2023*** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chợ trong Khu dân cư Vạn Phát Hưng-H. Dương Minh Châu | 3 | 645 | 200 | 10 | | | | 10 | | Ấp Thuận Hòa, xã Truông Mít | Đầu tư xây dựng mới |
| 2 | Chợ Biên Giới-Huyện Châu Thành | 3 | 19.568 | 150 | 45 | | | | 45 | | Xã Biên Giới | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 3 | Chợ Bàu Sen-Huyện Châu Thành | 3 | 1,467 | 50 | 1 | | | 1 | | | Xã Hảo Đước | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 4 | Chợ Ninh Điền-Huyện Châu Thành | 3 | 5,040 | 145 | 14 | | | | 14 | | Xã Ninh Điền | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 5 | Chợ Hiệp Trường-Thị xã Hòa Thành | 3 | 450 | 35 | 0.45 | | | 0.45 | | | Phường Hiệp Tân | Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước |
| 6 | Chợ Tân Biên-Huyện Tân Biên | 2 | 9,610 | | 20 | | 20 | | | | Khu phố 2, thị trấn Tân Biên | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 7 | Chợ Phước Đông-Huyện Gò Dầu | 3 | 1,923 | 80 | 0.25 | | | 0.25 | | | Xã Phước Đông | Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ xung quanh chợ |
| | **Cộng** | | | | **90.7** | | **20** | **1.7** | **69** | | | |

| STT | Tên chợ/Địa điểm | Hạng chợ | Quy mô | | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | | | | | | Vị trí đầu tư, xây dựng chợ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Diện tích ($m^2$) | Số lượng điểm kinh doanh | Tổng số | Ngân sách TW | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, TX, TP | Kêu gọi đầu tư | | | |
| | | | | | | | | | Doanh nghiệp | Tiểu thương | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=7+8+9+10+11* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| ***Năm 2024*** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chợ Thành phố-Thành phố TN | 1 | 10,050 | 750 | 79.498 | | | 79.498 | | | Phường 2 | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 2 | Chợ Phước Minh-H. Dương Minh Châu | 3 | 4,911 | 150 | 1.4 | | | 1.4 | | | Ấp B2, xã Phước Minh | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 3 | Chợ Sa Nghe-Huyện Châu Thành | 3 | 5,410 | 50 | 2 | | | 2 | | | Xã Hảo Đước | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 4 | Chợ Long Vĩnh-Huyện Châu Thành | 3 | 1,819 | 50 | 2 | | | 2 | | | Xã Long Vĩnh | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 5 | Chợ Thanh Phước-Huyện Gò Dầu | 3 | 1261,6 | | 0.7 | | | 0.7 | | | ấp Trâm Vàng, xã Thanh Phước | Đầu tư xây dựng mới |
| 6 | Chợ Tân Hội-Huyện Tân Châu | 3 | 10,000 | 100 | 18.5 | | | 3 | 15.5 | | Ấp Hội An-Xã Tân Hội | Di dời, xây dựng mới, cách chợ cũ 500m |
| 7 | Chợ Tân Hưng-Huyện Tân Châu | 3 | 1,457 | 40 | 3 | | | 3 | | | Ấp Tân Trung B, xã Tân Hưng | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 8 | Chợ Cầu Long Thuận-Huyện Bến Cầu | 3 | 6,700 | 200 | 2 | | | 2 | | | Ấp Long Hòa, xã Long Thuận | Nâng cấp, sửa chữa |
| 9 | Chợ Tiên Thuận-huyện Bến Cầu | 3 | 10,000 | 150 | 6 | | | 3 | 3 | | Ấp Tân Lập, xã Tiên Thuận | Đầu tư xây dựng mới |
| 10 | Chợ Long Hoa-Thị xã Hòa Thành | 1 | 11,035 | | 140 | | | | 140 | | Phường Long Hoa | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí khu A&B cũ |

| STT | Tên chợ/Địa điểm | Hạng chợ | Quy mô | | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | | | | | | Vị trí đầu tư, xây dựng chợ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Diện tích ($m^2$) | Số lượng điểm kinh doanh | Tổng số | Ngân sách TW | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện, TX, TP | Kêu gọi đầu tư | | | |
| | | | | | | | | | Doanh nghiệp | Tiểu thương | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=7+8+9+10+11* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 11 | Chợ Long Hải-Thị xã Hòa Thành | 3 | 4,500 | 236 | 0.3 | | | | | 0.3 | Xã Trường Tây | Nâng cấp, cải tạo cảnh quang trước chợ |
| 12 | Chợ Thạnh Bắc-Huyện Tân Biên | 3 | 9,778 | | 10 | | | | 10 | | Ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc | Đầu tư xây dựng mới |
| 13 | Chợ Hiệp An-Thị xã Hòa Thành | 3 | 1,353 | 140 | 0.62 | | | 0.62 | | | Phường Hiệp Tân | Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước |
| 14 | Chợ Hiệp Hòa-Thị xã Hòa Thành | 3 | 550 | 40 | 0.55 | | | 0.55 | | | Phường Hiệp Tân | Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước |
| | **Cộng** | | | | **266.568** | | | **97.768** | **168.5** | **0.3** | | |
| ***Năm 2025*** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chợ Câu K13 (xã Bàu Năng) | 3 | 1,800 | 160 | 50 | | | | 50 | | Khu vực Cầu K13 | Di dời, xây dựng mới |
| 2 | Chợ Hảo Đước-xã Hảo Đước | 3 | 5,340 | 50 | 2 | | | 2 | | | Xã Hảo Đước | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| 3 | Chợ huyện Bến Cầu-Thị trấn Bến Cầu | 2 | 17,972 | 250 | 10 | | | 5 | 5 | | Khu phố 1, Thị trấn BC (Khu đất Đìa Xù) | Di dời, xây dựng mới, đất công |
| 4 | Chợ thương mại Chàng Riệc-Huyện Tân Biên | 3 | 29,800 | | 20 | | | | 20 | | Cửa khẩu Chàng Riệc-xã Tân Lập | Đầu tư xây dựng mới |
| 5 | Chợ Tân Châu-Huyện Tân Châu | 2 | 10,435 | 442 | 101 | | | | 101 | | Khu phố 1, thị trấn tân Châu | Đầu tư xây dựng mới, tại vị trí cũ |
| | **Cộng** | | | | **183** | | **0** | **7** | **176** | | | |
| | ***Tổng cộng*** | | | | **694.226** | | **20** | **128.229** | **541.450** | **4.547** | | |

# PHỤ LỤC III

**Danh mục trung tâm thương mại, siêu thị đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| Stt | Tên siêu thị, trung tâm thương mại/Địa bàn | Địa điểm | Diện tích ($m^2$) | Quy mô | Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng) | Tỷ lệ thanh toán không sử dụng tiền mặt (%) | Tình trạng quỹ đất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Siêu thị** | | | | | | |
| 1 | Siêu thị | Thị xã Hòa Thành | | | | | |
| 2 | Siêu thị | Huyện Bến Cầu | | | | | |
| | ***Tổng cộng*** | **02 siêu thị** | | | | | |
| **II** | **Trung tâm thương mại** | | | | | | |
| 1 | TTTM huyện Dương Minh Châu | Khu phố 1, thị trấn | 11,000 | Hạng III | 15 | | Hiện trạng đất có 44 hộ tiểu thương đang kinh doanh thời gian còn hợp đồng sử dụng 21 năm |
| 2 | Trung tâm thương mại Trảng Bàng | Phường Trảng Bàng (đất công khu vực Bến xe cũ) | 6,900 | hạng III | 50 | 50 | Hiện là Bến xe, đã quy hoạch xây dựng TTTM |
| 3 | Trung tâm thương mại An Hòa | Trong Khu Tái định cư Thành Thành Công | 10,000 | hạng III | 60 | 50 | Có đất, đã quy hoạch |
| | ***Tổng cộng*** | **03 TTTM** | | | | | |

# PHỤ LỤC IV

**Danh mục các dự án chợ, siêu thị, trung tâm thương mại ưu tiên kêu gọi đầu tư đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| Stt | Tên dự án | Địa bàn | Hạng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Chợ** | | | |
| 1 | Chợ Thái Bình | Xã Thái Bình-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới |
| 2 | Chợ Biên Giới | Xã Biên Giới-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 3 | Chợ Thanh Điền | Xã Thanh Điền-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới |
| 4 | Chợ An Cơ | Xã An Cơ-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 5 | Chợ Long Vĩnh | Xã Long Vĩnh-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 6 | Chợ Hảo Đước | Xã Hảo Đước-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 7 | Chợ Bàu Sen | xã Hảo Đước-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 8 | Chợ Đồng Khởi | xã Đồng Khởi-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới |
| 9 | Chợ Ninh Điền | xã Ninh Điền-H. Châu Thành | 3 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 10 | Chợ huyện Bến Cầu | Thị trấn Bến Cầu-H. Bến Cầu | 2 | Xây dựng mới |
| 11 | Chợ Tiên Thuận | Xã Tiên Thuận-H. Bến Cầu | 3 | Xây dựng mới |
| 12 | Chợ Tân Biên | Thị trấn Tân Biên-H. Tân Biên | 2 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 13 | Chợ Thạnh Bắc | xã Thạnh Bắc-H. Tân Biên | 3 | Xây dựng mới |
| 14 | Chợ thương mại Chàng Riệc | xã Tân Lập-H. Tân Biên | 3 | Xây dựng mới |
| 15 | Chợ Phường 3 | Thành phố Tây Ninh | 2 | Xây dựng mới tại vị trí cũ |
| 16 | Chợ Long Hoa | Phường Long Hoa-Thị xã Hòa Thành | 1 | Xây dựng mới khu A&B tại vị trí cũ |
| 17 | Chợ Thị trấn Dương Minh Châu | TT DMC-H. Dương Minh Châu | 2 | Xây dựng mới |
| | ***Tổng cộng:* 17 chợ** | | | |

| Stt | Tên dự án | Địa bàn | Hạng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **II** | **Siêu thị** | | | |
| 1 | Siêu thị | Thị xã Hòa Thành | | Xây dựng mới |
| 2 | Siêu thị | Huyện Bến Cầu | | Xây dựng mới |
| | ***Tổng cộng:* 02 siêu thị** | | | |
| **III** | **Trung tâm thương mại** | | | |
| 1 | TTTM huyện DMC | Thị trấn Dương Minh Châu | III | Xây dựng mới |
| 2 | Trung tâm thương mại Trảng Bàng | Phường Trảng Bàng (đất công khu vực Bến xe cũ) | III | Xây dựng mới |
| 3 | Trung tâm thương mại An Hòa | Trong Khu Tái định cư Thành Thành Công | III | Xây dựng mới |
| | ***Tổng cộng*: 03 TTTM** | | | |

# PHỤ LỤC V

## Đề án phát triển các loại hình vận tải dịch vụ cảng đường sông - logistics tỉnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030

*Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| Stt | Tên dự án | Vị trí | Quy mô (ha) | Cấp, hạng | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Giai đoạn đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | | | | **2,334.90** | |
| 1 | Trung tâm Logistics cửa khẩu Mộc Bài (TT01) và Cảng cạn Mộc Bài | Trong Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, thuộc huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. | 150 | Hạng 1 | 500.00 | Đầu tư giai đoạn 2021-2030, trong đó: ICD Mộc Bài đưa vào sử dụng trước năm 2025. |
| 2 | Trung tâm Logistics khu vực phía Bắc (TT02) | Trong Khu Kinh tế cửa khẩu Xa Mát, thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. | 100 | Hạng 2 | 300.00 | Giai đoạn 2021-2030 đầu tư đưa vào khai thác sử dụng ICD. |
| 3 | Trung tâm Logistics, cảng cạn và cảng tổng hợp Tây Ninh (TT03) | Xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng | 259.22 | Hạng 1 | 544.03 | Đầu tư giai đoạn 2021-2030,, trong đó đưa vào khai thác sử dụng giai đoạn 1 trước năm 2025 |
| 4 | Trung tâm Logistics, cảng cạn và cảng thuỷ nội địa Thanh Phước (TT04) | Xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | 54.96 | Hạng 2 | 540.87 | Đầu tư giai đoạn 2021-2030.trong đó: ICD Thanh Phước đưa vào sử dụng trước năm 2025 |

| Stt | Tên dự án | Vị trí | Quy mô | Cấp, | Vốn đầu tư | Giai đoạn đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Cảng cạn Tân Nam | Xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh | 20-30 | | 150.00 | 2026-2030 |
| 5 | Cảng cạn Phước Tân | Xã Biên Giời, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh | 15-20 | | 100.00 | 2026-2030 |
| 6 | Cảng cạn Chàng Riệc | Xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh | 15-20 | | 100.00 | 2026-2030 |
| 7 | Cảng cạn Kà Tum | Xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh | 15-20 | | 100.00 | 2026-2030 |

# PHỤ LỤC VI

## Quy hoạch hệ thống cảng đường thủy nội địa đến năm 2030, tầm nhìn sau năm 2030

*Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

| TT | Tên cảng | Vị trí | Công suất thiết kế (1000 tấn) | Quy hoạch | | | | | | Ghi chú | Ghi chú nội dung QH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cỡ tàu (Tấn, Ghế) | Công suất TK (Ngàn T/năm) (Ngàn HK/năm) | Nhu cầu sử dụng đất (ha) | Đơn giá (tỷ/ha) | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Năm đầu tư | | |
| | **Tổng cộng cảng hàng hoá** | | | | **17,792** | **455** | **460** | **7,050** | | | |
| **I** | **SÔNG VÀM CỎ ĐÔNG** | | | | | | | | | | |
| 1 | Cảng Buorbon An Hòa | Km số 90+050 đến 90+620,2, Bờ Trái, sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã An Hoà, TX Trảng Bàng | | 2,000 | 500 | 36 | | 500 | 2021-2025 | | QH 1108 |
| 2 | Cảng Thanh Phước | Km số 98+750 đến 98+827,2, Bờ Trái, sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu | | 2,000 | 1,000 | 10 | 35 | | Đang khai thác | Trong trung tâm Logistics | QH 1108 |
| 3 | Cảng Đại An - Sài Gòn | Bờ phải sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã An Thạnh, huyện Bến Cầu | | 2,000 | 500 | 15 | 20 | 300 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |

| TT | Tên cảng | Vị trí | Công suất thiết kế (1000 tấn) | Quy hoạch | | | | | | Ghi chú | Ghi chú nội dung QH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cỡ tàu (Tấn, Ghế) | Công suất TK (Ngàn T/năm) (Ngàn HK/năm) | Nhu cầu sử dụng đất (ha) | Đơn giá (tỷ/ha) | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Năm đầu tư | | |
| 4 | Cảng Gò Dầu | Thị trấn Gò Dầu | | 2,000 | 100 | 10 | 20 | 200 | Sau năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 5 | Cảng Hiệp Thạnh | Xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu | | 2,000 | 500 | 20 | 20 | 400 | Trước năm 2030 | | |
| 6 | Cảng Thạnh Đức | Xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu | | 2,000 | 1,000 | 20 | 20 | 400 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 7 | Cảng Bến Đình | Xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu; xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu | | 2,000 | 500 | 10 | 20 | 200 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 8 | Cảng Xăng dầu Long Thành Nam | Xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành | | 2,000 | 100 | 2.2 | 25 | | Đang khai thác | | |
| 9 | Cảng Xi măng Fico | Xã Long Thành Nam, thị xã Hoà Thành | | 2,000 | 500 | 9.4 | 25 | | Đang khai thác | | |

| TT | Tên cảng | Vị trí | Công suất thiết kế (1000 tấn) | Quy hoạch | | | | | | Ghi chú | Ghi chú nội dung QH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cỡ tàu (Tấn, Ghế) | Công suất TK (Ngàn T/năm) (Ngàn HK/năm) | Nhu cầu sử dụng đất (ha) | Đơn giá (tỷ/ha) | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Năm đầu tư | | |
| 10 | Cảng Bến Kéo | Km 136+355 đến km 136+500, Bờ Trái, sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã Long Thành Nam, TX Hoà Thành | | 2,000 | 1,000 | 1.9 | 20 | | Đang khai thác | | QH 1108 |
| 11 | Cảng Gò Chai | Xã Thanh Điền, huyện Châu Thành | | 1,000 | 300 | 15 | 20 | 300 | Sau năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 12 | Cảng Thanh Điền | Xã Thanh Điền, huyện Châu Thành | | 1,000 | 500 | 15 | 20 | 300 | Trước năm 2030 | | |
| 13 | Cảng Châu Thành (xã Trí Bình) | Xã Trí Bình, huyện Châu Thành | | 1,000 | 300 | 10 | 20 | 200 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 14 | Cảng Bến Sỏi | Xã Ninh Điền hoặc xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành | | 1,000 | 300 | 10 | 20 | 200 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |

| TT | Tên cảng | Vị trí | Công suất thiết kế (1000 tấn) | Quy hoạch | | | | | | Ghi chú | Ghi chú nội dung QH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cỡ tàu (Tấn, Ghế) | Công suất TK (Ngàn T/năm) (Ngàn HK/năm) | Nhu cầu sử dụng đất (ha) | Đơn giá (tỷ/ha) | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Năm đầu tư | | |
| 15 | Cảng Hảo Đước | Xã Hảo Đước, huyện Châu Thành | | 1,000 | 100 | 10 | 20 | 200 | Sau năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 16 | Cảng Cây Ổi | Xã Phước Vinh, huyện Châu Thành | | 1,000 | 100 | 10 | 20 | 200 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 17 | Cảng Vàm Trảng Trâu | Xã Phước Vinh, huyện Châu Thành | | 1,000 | 100 | 20 | 20 | 400 | Sau năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 18 | Các cảng, bến thuỷ nội địa khác | Sông Vàm Cỏ Đông | | | 2,600 | 50 | 20 | 1,000 | 2021-2030 | | |
| **II** | **SÔNG SÀI GÒN** | | | | | | | | **0** | **6** | |
| 1 | Cảng Hưng Thuận - Trảng Bàng | Xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng | | 2,000 | 3,000 | 30 | 30 | | 2021-2025 | Trong trung tâm Logistics | CV 1480 BGTVT ngày 24/2/2020 |
| 2 | Cảng Phước Đông | Xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng | | 2,000 | 1,000 | 20 | 20 | 400 | 2021-2025 | | |

| TT | Tên cảng | Vị trí | Công suất thiết kế (1000 tấn) | Quy hoạch | | | | | | Ghi chú | Ghi chú nội dung QH |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Cỡ tàu (Tấn, Ghế) | Công suất TK (Ngàn T/năm) (Ngàn HK/năm) | Nhu cầu sử dụng đất (ha) | Đơn giá (tỷ/ha) | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Năm đầu tư | | |
| 3 | Cảng Dương Minh Châu | Xã Bến Củi, huyện Dương Minh Châu | | 2,000 | 1,000 | 30 | 20 | 600 | Trước năm 2030 | | Bổ sung theo QH và văn bản đề nghị của tỉnh |
| 4 | Các cảng, bến thuỷ nội địa khác | Sông Sài Gòn | | | 2,000 | 50 | 20 | 1,000 | 2021-2030 | | |
| **III** | **CÁC RẠCH TRÊN ĐỊA BÀN** | | | | | | | | | | |
| 1 | Các bến thuỷ nội địa hàng hoá | Dọc theo tuyến rạch | | 30 - 50 | 792 | 50 | 5 | 250 | 2021 - 2030 | | |

# PHỤ LỤC VII

## Tổng hợp kinh phí và nguồn kinh phí khái toán

*Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | Nội dung | Tổng kinh phí khái toán | | | Nguồn vốn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giai đoạn 2021-2025 | Giai đoạn 2026-2030 | Giai đoạn 2031-2045 | | |
| 1 | Phát triển chợ | 694,226 | Căn cứ vào kết quả thực hiện của giai đoạn 2021-2025. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể thực hiện tiếp tục | Căn cứ vào kết quả thực hiện của giai đoạn 2026-2030. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể thực hiện tiếp tục | Nguồn vốn đầu tư phát triển | |
| 2 | Phát triển TMĐT | 2,445 | Căn cứ vào kết quả thực hiện của giai đoạn 2021-2025. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể thực hiện tiếp tục | Căn cứ vào kết quả thực hiện của giai đoạn 2026-2030. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể thực hiện tiếp tục | Nguồn vốn sự nghiệp | Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/01/2021 |
| 3 | Đề án phát triển các loại hình vận tải dịch vụ cảng đường sông - logistics tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 | 2.334,902 | | Căn cứ vào kết quả thực hiện của giai đoạn trước. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể thực hiện tiếp tục | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 15/3/2020 của UBND tỉnh giao Sở GTVT thực hiện Đề án |

| STT | Nội dung | Tổng kinh phí khái toán | | | Nguồn vốn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giai đoạn 2021-2025 | Giai đoạn 2026-2030 | Giai đoạn 2031-2045 | | |
| 4 | Hệ thống cảng đường thủy nội địa và cảng hàng hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến sau năm 2030 | 7.050,000 | | Căn cứ vào kết quả thực hiện của giai đoạn trước. Đề xuất nhiệm vụ cụ thể thực hiện tiếp tục | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 15/3/2020 của UBND tỉnh giao Sở GTVT thực hiện Đề án |
| 5 | **Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu** | **Kinh phí đã được dự toán chi tiết theo từng chuyên đề** | | | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | Chi tiết nguồn vốn và tổng kinh phí đầu tư kèm theo từng chuyên đề dự án riêng biệt |
| 5.1 | Xây dựng hạ tầng giai đoạn 3 KCN Phước Đông 600 ha | | | | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | |
| 5.2 | Tập trung triển khai nhanh đưa KCN Hiệp Thạnh (diện tích 573,81 ha) vào đi vào hoạt động | | | | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | |
| 5.3 | Điều chỉnh quy hoạch chung phát triển Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài theo hướng tổng hợp nhiều chức năng: Công nghiệp - Đô thị - Thương mại - Dịch vụ mang tầm quốc gia và quốc tế | | | | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | |
| 5.4 | Điều chỉnh quy hoạch KKTCK Xa Mát phù hợp. | | | | Nguồn vốn đầu tư phát triển và xã hội hóa | |